| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 815/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Doãn Thị Nga**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Thái Thục Hiền**

2. Ông **Đoàn Văn Rỹ**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hứa Hồng Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Ông **Phan Xuân Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1054/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Cao Nguyễn Tú A, sinh năm 1979

Địa chỉ: số 108B Chung cư Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Huỳnh Hữu H, sinh năm 1973

Địa chỉ: số 250 Dương Bá Trạc, Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Cao Nguyễn Tú A trình bày: Bà và ông Huỳnh Hữu H chung sống năm 2002, đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân

Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống khác nhau; ông không lo làm ăn phụ vợ nuôi con mà còn chửi mắng vợ con, ghen tuông vô cớ từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, gây gổ tranh cãi với nhau mỗi ngày; tình cảm vợ chồng phai nhạt, làm ảnh hưởng đến các con. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà đã thuê nhà sống riêng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Hữu H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Huỳnh Gia Đạt, sinh ngày 06/5/2003 (đã thành niên) và Huỳnh Bảo Trâm, sinh ngày 09/5/2013. Do con chung Huỳnh Bảo Trân chưa thành niên và đang sống cùng với bà nên sau khi ly hôn bà Tú A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trân, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông H không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà Tú A nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông H.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn - bà Cao Nguyễn Tú A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn – ông Huỳnh Hữu H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:*

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Cao Nguyễn Tú A và ông Huỳnh Hữu H có đăng ký kết hôn, bà Tú A yêu cầu ly hôn với ông H, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn là ông Huỳnh Hữu H hiện đang cư trú tại Quận 8 (Theo kết quả xác minh của Công an Phường 02, Quận 8) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Cao Nguyễn Tú A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Tú A.

Bị đơn ông Huỳnh Hữu H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40/KH, Quyển số 01/2003 ngày 24/3/2003 của Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng lời khai của bà Tú A về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Tú A và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Tú A: Trong quá trình chung sống, bà Tú A và ông H xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống chung, không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau; ông H không quan tâm, chăm sóc vợ con. Hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn, tìm tiếng nói chung nhưng không đạt được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn phát sinh từ rất lâu, không thể giải quyết, bà Tú A xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà Tú A và ông H đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập ông H đến Tòa để trình bày ý kiến tự khai, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Điều này cho thấy ông H đã từ bỏ

quyền lợi của mình, không muốn hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tú A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Tú A và ông H có 02 con chung tên Huỳnh Gia Đ, sinh ngày 06/5/2003 (đã thành niên) và Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 09/5/2013. Do con chung Huỳnh Bảo Tr chưa thành niên và đang sống cùng với bà nên sau khi ly hôn bà Tú A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trâm, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Theo bản khai ngày 14/3/2023 trẻ Tr có ý kiến muốn được sống cùng với mẹ. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng ông H không có bất kỳ ý kiến nào phản hồi về yêu cầu nuôi con của bà Tú A. Do đó, việc giao trẻ Huỳnh Bảo Tr cho bà Tú A trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo quyền lợi cho trẻ và phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Tú A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tú A xác định trong thời gian chung sống bà và ông H không có tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Tú A phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Nguyễn Tú A về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Hữu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Nguyễn Tú A được ly hôn với ông Huỳnh Hữu H (Giấy chứng nhận kết hôn số 40/KH, Quyển số 01/2003 ngày 24/3/2003 của Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Bà Tú A và ông H có có 02 con chung tên Huỳnh Gia Đ, sinh ngày 06/5/2003 (đã thành niên) và Huỳnh Bảo Tr, sinh ngày 09/5/2013. Giao cho bà Cao Nguyễn Tú A trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Bảo Tr. Ghi nhận việc bà Tú A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tú A xác định bà và ông H không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Cao Nguyễn Tú A phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tú A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017557 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tú A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Cao Nguyễn Tú A, ông Huỳnh Hữu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 02, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Thị Nga**